

Bản án số: 87/2024/HNGĐ-ST
Ngày 17-6-2024
“V/v ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Minh Hoàng.

Ông Đào Việt Khái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quang Nhật là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 170/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 198/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị N, sinh năm 1976.

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã Đ, huyện N, tỉnh C.

- Bị đơn: Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1964.

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã R, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 5 năm 2024 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà và ông Đỗ Văn T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1995 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian gần đây thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và thường xuyên cự cãi; cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2021 đến nay. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đỗ Văn T. Trong quá trình chung sống bà và ông T có hai người con chung tên Đỗ Anh D, sinh năm 1996 và Đỗ Khang H, sinh năm 2001, hai người con chung đã đủ tuổi trưởng thành có thể

tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Tài sản chung vợ chồng tự thoả thuận, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 22 tháng 5 năm 2024 và tại phiên toà bị đơn ông Đỗ Văn T trình bày: Vào năm 1995 ông và bà Nguyễn Thị N có tổ chức lễ thành hôn và chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống thời gian đầu rất hạnh phúc, nhưng thời gian sau thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2021 đến nay. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị N. Trong quá trình chung sống ông và bà N có hai người con chung tên Đỗ Anh D, sinh năm 1996 và Đỗ Khang H, sinh năm 2001, hai người con chung đã đủ tuổi trưởng thành có thể tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung vợ chồng tự thoả thuận, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Đỗ Văn T. Do đó, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn*” nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và Đỗ Văn T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1995, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị N và ông Đỗ Văn T không được pháp luật thừa nhận. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị N và ông Đỗ Văn T.

[3]. Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Nguyễn Thị N và ông Đỗ Văn T có hai người con chung tên Đỗ Anh D, sinh năm 1996 và Đỗ Khang H, sinh năm 2001. Xét thấy, hai người con chung của bà N và ông T đã thành niên và có đầy đủ khả năng lao động để nuôi sống bản thân nên không xem xét.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị N và ông Đỗ Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng, bà N đã nộp tạm ứng 300.000 đồng được đối trừ chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng vào áp dụng các Điều 9, Điều 14, Điều 15 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị N và ông Đỗ Văn T.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng, nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0003535 ngày 22 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, bà N đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị N và ông Đỗ Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Việt Triều